



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2020



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Năm 2020 đã gần khép lại với những yếu tố khó lường của nền kinh tế thế giới. Thương mại toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề với sự xuất hiện bất ngờ của dịch bệnh COVID 19. Cùng với đó là ảnh hưởng không hề nhỏ từ xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn khiến cho các nền kinh tế lớn đều giảm sâu tiêu cực

Đối với kinh tế trong nước năm 2020, tổng sản phẩm trong nước GDP tăng 2,91%, tuy thấp nhất trong thập kỉ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch COVID 19 diễn biến phức tạp thì đây là một thành công lớn khi Việt Nam thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. Chỉ số CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra dưới 4%. Trong khi đó, Hiệp định EVFTA đã được Nghị viện Châu Âu thông qua vào ngày 12/2/2020 có ý nghĩa khá quan trọng trong việc mở ra cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cho ngành dệt may. Với sự cố gắng, nỗ lực, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, Công ty Cổ phần May Sông Hồng trong năm 2020 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu thuần đạt hơn 3.800 tỷ đồng, giảm 13,55% so với năm 2019; tổng tài sản đạt 2.631,7 tỷ đồng, tăng 2,55% so với năm 2019. Tuy nhiên, trước những biến động bất thường của nền kinh tế, công ty đã xuất sắc hoàn thành đồng thời vượt qua các chỉ tiêu đã được đề ra cho năm 2020

Dựa theo những tình hình của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, Công ty nhận thấy năm 2021 sẽ tiếp tục là một năm đầy hứa hẹn của công ty.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt thời gian qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ Quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng của Quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin chân thành cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(đã ký)

BÙI ĐỨC THỊNH

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung

Tâm nhìn - Sứ mệnh

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị - Bộ máy quản lý


Định hướng phát triển

Rủi ro

“**Công Ty Cổ phần May Sông Hồng** là một trong những nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và chăn ga gối đệm lớn hàng đầu Việt Nam.

Với hơn 20 xưởng sản xuất được xây dựng và quản lý tập trung trong phạm vi tỉnh Nam Định, có lợi thế về vị trí địa lý gần sân bay, cảng biển, nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng, bộ máy quản lý am hiểu nghề, kết hợp với việc hợp tác với các chuyên viên nước ngoài có kinh nghiệm, công ty đã và đang trở thành đối tác tin cậy của rất nhiều thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới.”

Thông tin chung

Tên Công ty	Công ty cổ phần May Sông Hồng
Tên tiếng Anh	Song Hong Garment Jointstock Company
Mã cổ phiếu	MSH
Trụ sở chính	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
Logo	
Vốn điều lệ	500.094.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.094.000.000 đồng
Điện thoại	+84 2283 649365
Fax	+84 2283 646737
Website	https://www.songhong.vn/
Đăng ký kinh doanh	- Mã số doanh nghiệp: 0600333307 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004

Quá trình hình thành và phát triển

2020

May Sông Hồng lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2020 do Forbes bình chọn.

2019

May Sông Hồng lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2019 do Forbes bình chọn.

2018

Kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty

Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE vào ngày 28/11 với tổng vốn điều lệ lên tới 476.280.000.000 đồng.

2016

Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đi vào hoạt động.

Công ty mở thêm 4 xưởng may tại huyện Nghĩa Hưng, nâng tổng số CBCNV lên gần 11.000 người với 18 xưởng may. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ra mắt với thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng, Công ty đã thực hiện ra mắt dòng sản phẩm đệm bông tinh khiết thế hệ 2.

2015

Công ty khởi công dự án nhà máy tại Nghĩa Hưng.

2013

Kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty.

Công ty thành lập Xưởng may 14 tại Hải Hậu và di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối sang KCN Mỹ Trung – Nam Định.

2012

Công ty tiếp tục triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng VII tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may và Khu vực Sông Hồng VIII tại Khu công nghiệp Mỹ Trung để di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối ra khỏi nội thành.

2007

Công ty phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may.

2006

Công ty thành lập Văn phòng đại diện đặt tại Hồng Kông.

2004

Công ty được cổ phần hóa, chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng với số vốn điều lệ 12.000.000.000 đồng.

Công ty đầu tư phát triển Khu vực Sông Hồng III tại Quốc lộ 10, Tp. Nam Định.

2001

Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ 105 Nguyễn Đức Thuận, Tp. Nam Định
Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.

1997

Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào Công ty May Sông Hồng và trở thành khu vực Sông Hồng II.

1993

Xí nghiệp May 1/7 được đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.

1988

Công ty Cổ phần May Sông Hồng được thành lập với tên gọi Xí nghiệp May 1/7.

Một số danh hiệu nổi bật

2020

May Sông Hồng lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2020 do Forbes bình chọn

2019

Chứng nhận Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2019 do tạp chí Forbes bình chọn

2006-2018

Chứng nhận ISO 9001:2008 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng

2018

Chứng nhận Top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018

2013

Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may Việt Nam lần thứ VIII – VITAS (2010 – 2013)

2010

Sản phẩm Chăn ga gối đệm Sông Hồng tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn

2010

Sản phẩm Chăn Sông Hồng được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm tốt nhất năm 2010

2010

Đạt chứng chỉ WRAP



“Đối với chúng ta: Chỉ có những gì không thể làm được thì mới phải cam chịu, còn những gì có khả năng làm được mà không gắng sức làm tốt hơn, đẹp hơn thì mãi là điều hổ thẹn.”

Tâm nhìn - Sứ mệnh



Sông Hồng mong muốn trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu.



Sông Hồng không ngừng tìm tòi định hướng phát triển chiến lược để phù hợp với xu thế cung ứng hàng dệt may thời trang trên thế giới và đầu tư thích ứng để bắt kịp và trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành.



Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, các loại vật tư, thiết bị hàng hoá phục vụ cho sản xuất công nghiệp dệt may và kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh, tập trung vào 2 lĩnh vực: may xuất khẩu và nội địa.

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

May xuất khẩu



May Sông Hồng là Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc với hoạt động chính là xuất khẩu cho các thương hiệu may mặc lớn trên thế giới. Hai phương thức xuất khẩu chính Công ty đang thực hiện là CMT (hàng gia công) và FOB (hàng xuất khẩu theo phương thức giao hàng lên tàu). Trong đó phân khúc FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.



May nội địa

Mặt hàng chủ lực của khu vực nội địa là nhóm sản phẩm chăn-ga-gối và đệm do Công ty dày công nghiên cứu, phát triển và được phân phối chủ yếu trên thị trường trong nước.

Nhóm sản phẩm Chăn - ga - gối:

Dòng sản phẩm cao cấp sử dụng chất liệu vải nhập khẩu 100% cotton 250T với xu hướng màu hiện đại kết hợp những họa tiết và thiết kế tươi sáng, trẻ trung, phù hợp với cuộc sống đô thị và các gia đình trẻ.

Dòng sản phẩm truyền thống sử dụng chất liệu vải đa dạng như 100% Cotton 200T và TC 170T, mang nhiều ưu điểm về tính kinh tế, tiện dụng, mềm mại, bền chắc.

Dòng sản phẩm trẻ em là dòng sản phẩm chăn - ga - gối được thiết kế từ hình ảnh bản quyền Doraemon và Hello Kitty đáng yêu, rất êm ái và an toàn dành riêng cho trẻ em Việt Nam. Ruột bông của các sản phẩm chứa hạt nano bạc để diệt khuẩn, đảm bảo sự an toàn cho làn da nhạy cảm của các bé.



Nhóm sản phẩm đệm

Đệm tinh khiết thế hệ thứ 3 với các ưu điểm vượt trội như sử dụng bông 100% nguyên chất thân thiện với môi trường, lớp foam cao cấp tăng tính đàn hồi hỗ trợ lưng tạo cảm giác thư giãn, bền lâu theo thời gian, dễ vận chuyển, dễ vệ sinh, hình thức sang trọng.

Đặc biệt Sông Hồng mới cho ra đời dòng sản phẩm đệm Sông Hồng thế hệ thứ hai với tên gọi: đệm bông tinh khiết Sông Hồng. Đệm có 3 dòng cơ bản: Đệm bông tinh khiết Sông Hồng gập 3 vải gấm, đệm bông tinh khiết Sông Hồng gập 3 vải TC, Đệm bông tinh khiết Sông Hồng gập 2 trần bông.



Khẩu trang:

Sông Hồng đang sản xuất 2 dòng khẩu trang chính

Khẩu trang vải: chất liệu 100% cotton, không gây dị ứng da, ôm khít gương mặt người đeo, không tạo khe hở ngăn ngừa lây nhiễm. Được chứng nhận bởi Viện Nghiên cứu Dệt may Việt Nam về tính kháng khuẩn và duy trì khả năng kháng khuẩn qua 30 lần giặt.

Khẩu trang Y tế KF94: dòng khẩu trang thế hệ mới được phát triển dựa trên công nghệ hiện đại của Hàn Quốc, được làm từ chất liệu sợi giấy hoạt tính cao cấp không dệt, có màng vi lọc kết hợp với thiết kế 4 lớp lọc linh hoạt giúp tăng cường chất lượng lọc lên đến 95% bụi mịn có kích thước siêu nhỏ đến 0.3µm, có thể sử dụng 60 giờ liên tục (tương đương 7 ngày). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn N95 của Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ.



Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm may mặc:

Thị trường sản phẩm may mặc của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada, Mexico và các nước Trung Đông. Đến nay, Sông Hồng đã trở thành nhà sản xuất uy tín của các hãng thời trang nổi tiếng nhờ năng lực sản xuất vượt trội.

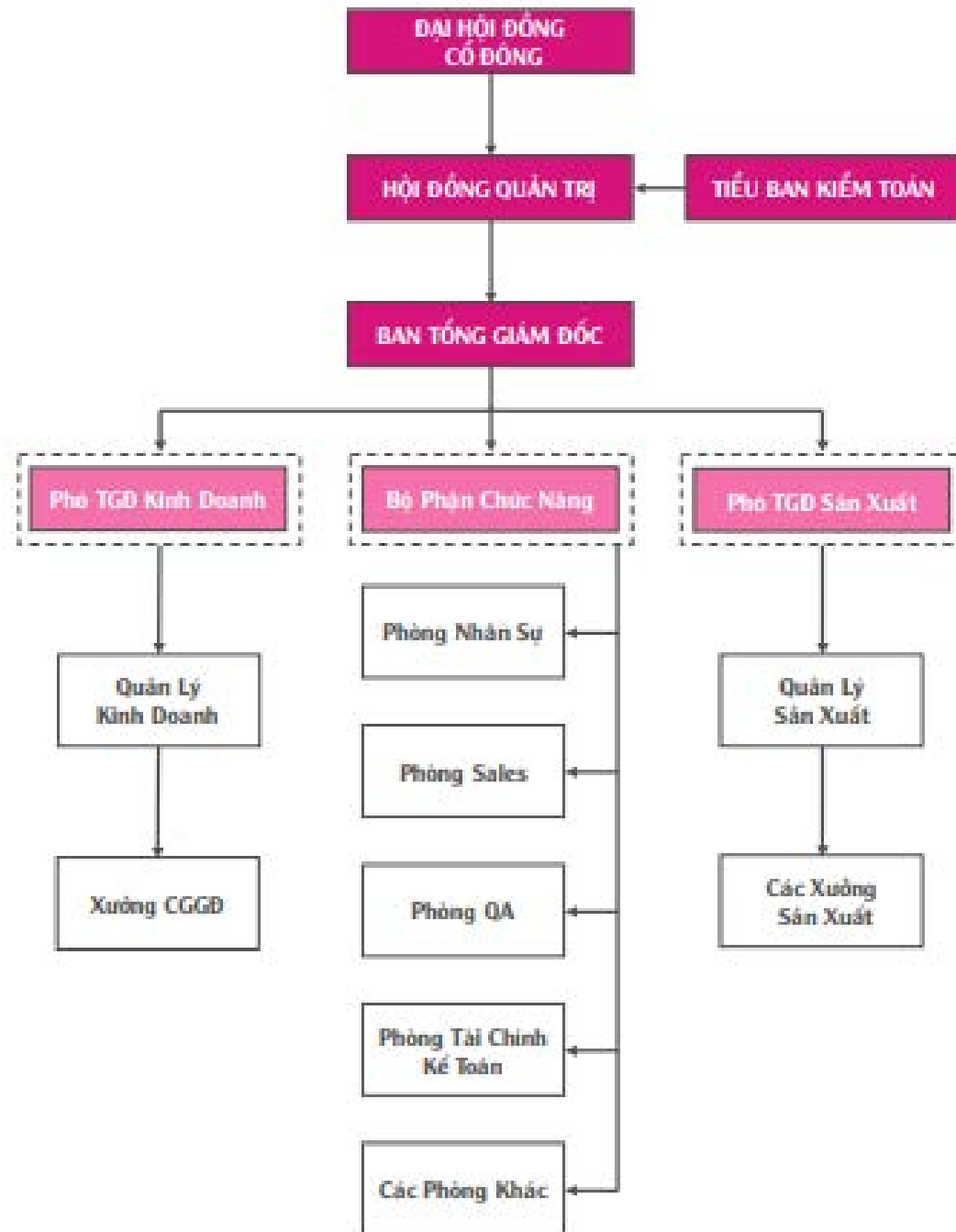


Sản phẩm nội địa:

Sản phẩm chăn ga gối đệm của Công ty hiện tại được phân phối trên toàn quốc thông qua hệ thống kênh phân phối là các Đại lý với thương hiệu "Sông Hồng". Hiện nay Công ty có 177 đại lý phủ sóng khắp 49/63 tỉnh thành Việt Nam. Đặc biệt, từ năm 2016 ngoài cung cấp cho thị trường nội địa, sản phẩm chăn ga gối của Công ty đã đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào 2 thị trường khó tính là Nhật Bản và Hàn Quốc.

Cơ cấu tổ chức

Mô hình quản trị



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các số liệu BCTC hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có chức năng là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có từ 3 tới 11 thành viên với nhiệm kỳ của từng thành viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ là cơ quan trực thuộc Hội Đồng Quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp. Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty. Các thành viên của Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ.

Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc tài chính. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Mục tiêu phát triển:

Trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu.

Định hướng phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty, các định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và nhằm nâng cao vị thế của May Sông Hồng, Ban lãnh đạo định hướng phát triển như sau:

- Xác định nhóm sản phẩm May mặc giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các mảng phụ trợ như giặt, in, thêu – chần.
- Xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chính, trong đó dần chuyển dịch doanh thu hàng gia công sang hàng FOB, tìm cách cân bằng giữa các thị trường để tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ.
- Tăng năng lực sản xuất của khu vực hàng nội địa nhằm đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân.

Mục tiêu trong năm:

- Chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng năng lực nhóm sản phẩm may mặc xuất khẩu theo phương thức FOB trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp.

- Hoàn thành mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đề ra.
- Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Mục tiêu phát triển bền vững:

- Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.
- Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của nhân viên.
- Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.



Rủi ro

Rủi ro kinh tế

Thị trường thế giới: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất hàng dệt may đạt 29,81 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm trước. Tính riêng trong năm 2020, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam với trị giá đạt gần 14 tỷ USD, tuy nhiên do nhiều thách thức khác nhau đặc biệt ảnh hưởng nặng nề từ dịch COVID 19 đã kéo theo đó là sự sụt giảm của kim ngạch xuất khẩu dệt may đến các thị trường chính.

Thị trường nội địa: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức thấp nhất trong giai đoạn 2011 - 2020, nhưng trong bối cảnh dịch COVID 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế- xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Bên cạnh đó nhìn chung, mặt bằng giá năm nay tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước qua đó cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá của năm 2020, dẫn đến việc kiểm soát mục tiêu dưới 4% mà Quốc hội đặt ra gặp nhiều khó khăn cũng như thách thức.

Rủi ro tài chính

Rủi ro tỷ giá: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Đối với CTCP May Sông Hồng, do thực hiện một số các giao dịch và khoản vay có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá giữa Việt Nam đồng và ngoại tệ tương ứng. Trong bối cảnh tỷ giá VND/USD được duy trì ổn định, thậm chí đã tăng giá nhẹ trong khi thị trường ngoại hối gần như không có áp lực vào cuối năm cộng hưởng với việc đồng nhân dân tệ tiếp tục giảm mạnh so với Việt Nam đồng tạo ra một lợi thế lớn cho May Sông Hồng khi khách hàng chủ yếu của công ty đến từ Mỹ và nguyên vật liệu phần lớn nhập khẩu từ Trung Quốc.

Rủi ro lãi suất: Để giảm các rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay đã được ký kết, công ty đã thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất cũng như cân đối nguồn thu ngoại tệ và tỷ lệ ngoại tệ, qua đó đưa ra các chiến lược vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn từ hoạt động sản xuất và hạn chế tối thiểu nhất về rủi ro lãi suất.

Rủi ro luật pháp

Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, May Sông Hồng chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, May Sông Hồng còn phải đối mặt với những rào cản thương mại cùng với các yêu cầu khắt khe từ các thị trường khác qua đó tạo ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp. Không chỉ có vậy, Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực dệt may, bắt buộc sản phẩm phải chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty.

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành dệt may và bắt buộc sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nên Công ty phải

thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

Rủi ro đặc thù ngành dệt may

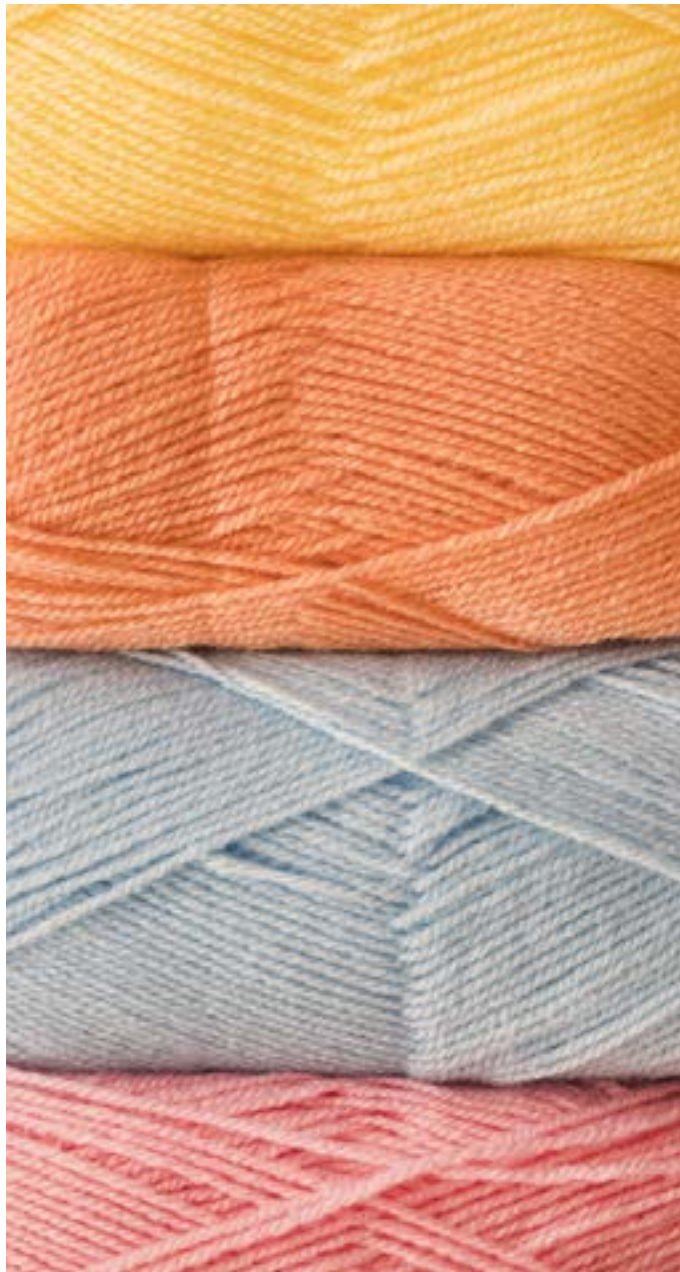
Lao động và quản lý nhân sự: Đặc thù của ngành dệt may là có tính thâm dụng lao động cao, trong đó, nhu cầu về nhân lực tập trung rõ nhất ở công đoạn gia công sản phẩm. Việc làm sao để thu hút và đào tạo được nguồn nhân lực có tay nghề, sẵn sàng cam kết lâu dài với doanh nghiệp vẫn luôn là bài toán đặt ra cho nhiều công ty may mặc Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh sự cạnh tranh về lao động trong ngành diễn ra ngày càng gay gắt. Trong khi các dấu hiệu thiếu hụt lao động đang trở nên rõ ràng thì áp lực gia tăng chi phí lao động và quản lý nhân sự là không thể tránh khỏi. Đặc biệt, các chi phí như tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp nhân công tại Việt Nam đang có xu hướng tăng lên trong khi đơn giá sản xuất phải đảm bảo được tính cạnh tranh đang đặt ra yêu cầu cho các doanh nghiệp cần thiết phải gia tăng hiệu quả quản lý để phát triển lợi nhuận.

Nguyên vật liệu: Nút thắt cổ chai đối với ngành may mặc Việt Nam nằm ở chỗ quy mô ngành sợi, dệt nhuộm và các ngành công nghiệp phụ trợ không tương xứng với sự phát triển ngành may, do đó, nguồn cung nguyên liệu không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất cả về số lượng lẫn chất lượng. Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam vẫn là nguyên liệu nhập khẩu, với các nhà cung cấp lớn nhất chủ yếu đến từ Trung Quốc, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành trong công tác quản lý chi phí đầu vào cũng như tìm kiếm các nguồn cung thay thế. Do chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí của các công ty ngành may, bất kỳ biến động nào của giá nguyên liệu cũng sẽ có tác động rõ rệt đến biên lợi nhuận gộp và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 trên toàn cầu, nguồn nguyên vật liệu của Công ty bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công ty đã tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu thay thế trong nước có chất lượng cao.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã nêu phía trên, doanh nghiệp còn phải đối mặt với các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, dịch bệnh, ... dù xác suất những rủi ro kia là không lớn nhưng sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2020, Công ty CP May Sông Hồng đã hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đề ra. Cụ thể, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.813,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 283,3 tỷ đồng, lần lượt vượt 19,17% và 13,3% so với kế hoạch, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2020 đang lần lượt là 86,44% và 51,84% so với kết quả thực hiện năm 2019

Chi tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Thực hiện 2020/ Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2020/ Thực hiện 2019
Doanh thu thuần	3.200	3.813,4	119,17%	4.411,3	86,44%
Lợi nhuận trước thuế	250	283,3	113,32%	546,5	51,84%

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Nhìn chung, việc đại dịch Covid-19 bùng phát đột ngột và lan nhanh trên quy mô toàn cầu kể từ thời điểm cuối năm 2019 đã gây ra những ảnh hưởng sâu rộng đến toàn ngành may mặc nói chung và doanh số bán hàng của MSH nói riêng.

Kết thúc năm 2020, Công ty CP May Sông Hồng ghi nhận 3.813,4 tỷ đồng doanh thu thuần và 751 tỷ đồng lợi nhuận gộp, lần lượt giảm 13,46% và 19,11% so với năm 2019. Giá vốn hàng bán được ghi nhận ở mức 3.062,3 tỷ đồng, giảm 12,07% so với năm trước, chiếm 80,3% cơ cấu doanh thu.

Năm 2020, Công ty ghi nhận 283,3 tỷ đồng trong Lợi nhuận trước thuế, giảm 48,16% so năm 2019. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng phát sinh trong năm lần lượt đạt 375,9 tỷ đồng và 136,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng tương ứng 9,86% và 3,59% trong cơ cấu doanh thu của Công ty CP May Sông Hồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tăng mạnh 140,6 tỷ đồng, tương đương 59,73% so với năm 2019 chủ yếu do công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 161,8 tỷ đồng trong kỳ khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng đột biến. Chi phí tài chính năm 2020 là 18,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể, tương ứng 0,48% trong doanh thu.

Tại thời điểm cuối năm 2020, Công ty lãi 231,8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng giảm 48,47% so với 2019 và tương đương tỷ suất lợi nhuận sau thuế là 6,08%. Các chỉ số sinh lợi khác là ROAA và ROEA lần lượt ở mức 8,93% và 17,31%.

Kết quả kinh doanh	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.813,4	4.411,2	-13,55%
Giá vốn hàng bán	3.062,3	3.482,8	-12,07%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	751,0	928,4	-19,11%
Doanh thu hoạt động tài chính	62,7	61,4	2,08%
Chi phí tài chính	18,2	28,7	-36,74%
Chi phí bán hàng	136,9	180,2	-24,04%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	375,9	235,3	59,73%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	282,7	545,5	-48,17%
Lợi nhuận trước thuế	283,3	546,5	-48,16%
Lợi nhuận sau thuế	231,8	449,8	-48,47%

Đơn vị: Tỷ đồng



Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban Điều hành

Trong năm 2020, Ban Điều hành của Công ty không có sự thay đổi về nhân sự. Tính đến thời điểm 31/12/2020, Ban Điều hành của công ty CP May Sông Hồng gồm 04 thành viên, cụ thể như sau:

<p>Ông Bùi Việt Quang Chức vụ: Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Năm sinh: 1978 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế</p>	<p>Quá trình công tác: Ông Bùi Việt Quang hiện đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Ông Bùi Việt Quang đã có trên 15 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Ông là người có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng định hướng, hoàn thiện các chiến lược phát triển của Công ty.</p>
<p>Ông Nguyễn Mạnh Tường Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Năm sinh: 1971 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p>	<p>Quá trình công tác: Ông Nguyễn Mạnh Tường hiện đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, và từng nắm nhiều chức vụ quản lý khác nhau tại Công ty.</p>
<p>Bà Lê Hồng Yến Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Thành viên HĐQT Năm sinh: 1969 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p>	<p>Quá trình công tác: Bà Lê Hồng Yến đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài Chính Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Gắn bó với May Sông Hồng từ những ngày đầu thành lập, Bà không chỉ được biết đến với trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững chắc, mà còn am hiểu rất rõ hệ thống tài chính – kế toán của Công ty.</p>
<p>Ông Trần Chí Dũng Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Năm sinh: 1970 Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD</p>	<p>Quá trình công tác: Ông Trần Chí Dũng hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Trong thời gian làm việc tại May Sông Hồng, Ông đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng.</p>

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ MSH thực góp	Tỷ lệ sở hữu của CTCP May Sông Hồng
Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Nghĩa Hưng	Xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sản xuất hàng may mặc	150.000.000.000 đồng	76.500.000.000 đồng	51%

Tình hình nhân sự năm 2020

Tóm tắt chính sách nhân sự

Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Chính sách tuyển dụng nhân viên

Công ty luôn có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nơi công ty đóng trụ sở. Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm công ty luôn "trải thảm đỏ" thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty. Đối với công nhân sản xuất trực

tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện, Công ty sẽ tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

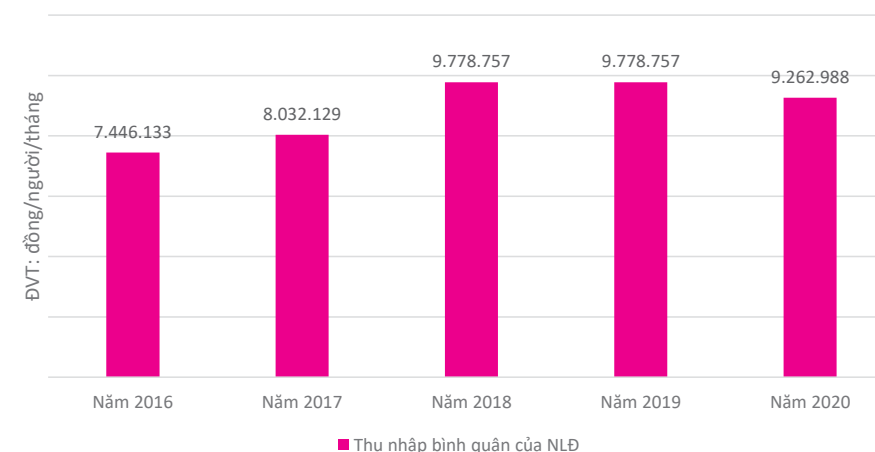
Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

Cơ cấu nhân sự

Tổng số lao động của Công ty: 9.561 lao động (tính đến ngày 31/12/2020).

Thu nhập bình quân của NLD



Thống kê nhân sự

STT	Tiêu chí	Diễn giải	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Theo trình độ lao động	Trình độ Đại học và trên Đại học	258	262	271	316	314
		Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	863	837	817	852	816
		Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	68	72	65	60	60
		Lao động phổ thông	9.155	8.802	8.604	8.682	8.371
2	Theo đối tượng lao động	Lao động trực tiếp	9.874	9.483	9.237	9.340	8.975
		Lao động gián tiếp	470	490	520	570	586
3	Theo giới tính	Nam	2.400	2.371	2.312	2.585	2.420
		Nữ	7.944	7.602	7.445	7.325	7.141
4	Theo thời hạn HĐLĐ	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm			0	0	0
		Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	1.514	897	841	1.402	657
		Hợp đồng không xác định thời hạn	8.830	9.076	8.916	8.508	8.904
5	Theo cấp quản lý	Quản lý cấp cao	12	12	14	18	18
		Quản lý cấp trung	40	40	42	48	48
		Quản lý cấp chi nhánh	0	0	0	0	0
		Chuyên viên, nhân viên	418	438	464	504	520
6	Theo độ tuổi	Từ 18 đến 25 tuổi	3.499	3.008	2.572	2.496	1.810
		Từ 26 đến 35 tuổi	5.562	5.531	5.312	5.325	5.253
		Từ 36 đến 45 tuổi	1.046	1.202	1.589	1.838	2.223
		Trên 45	237	232	284	251	275
		Tổng cộng	10.344	9.973	9.757	9.910	9.561



Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư

STT	Chi tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Xây dựng khu sản xuất may xuất khẩu
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần may Sông Hồng - Nghĩa Hưng
3	Hình thức đầu tư	Thực hiện hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.
4	Mục tiêu đầu tư	Thành lập một khu vực sản xuất may xuất khẩu tại các huyện phía Nam, tạo việc làm tại chỗ, thu nhập cho lực lượng thanh niên nông thôn và thực hiện theo định hướng kinh doanh của công ty.
5	Quy mô dự án	Xây dựng 02 xưởng may, nhà điều hành, nhà xe công nhân, nhà bảo vệ tường bao... và các công trình hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước, hệ thống Xử lý nước thải, hệ thống cây xanh, hồ sinh thái theo chuẩn Doanh nghiệp xanh hiện nay.
6	Địa điểm thực hiện dự án	Đội 12, xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
7	Tổng mức đầu tư dự án	Trên 450 tỷ đồng
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	360 ngày

Các khoản đầu tư lớn trong năm

Công ty con CTCP May Sông Hồng – Nghĩa Hưng đã đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện nhà xưởng, máy móc thiết bị.

Trong năm 2020, CTCP May Sông Hồng vẫn đang triển khai thêm dự án nhà máy Sông Hồng 10 (SH10) với công suất là 40 dây chuyền may và 2000 lao động, từ đó sẽ góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ doanh nghiệp.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con:

Ngày 22 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/2019/HĐQT về việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, công ty con, với vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ VNĐ và tỷ lệ sở hữu là 51% tương đương với 76,5 tỷ VNĐ.

Do đó, Công ty có 01 Công ty con.

Công ty liên kết: Công ty không có công ty liên kết.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	2627,8	2.566,2	2,40
Doanh thu thuần	3813,4	4.411,3	-13,55
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	282,7	545,5	-48,18
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	44,5	32,7	36,09
Lợi nhuận khác	0,6	1,0	-40,00
Lợi nhuận trước thuế	283,3	546,5	-48,16
Lợi nhuận sau thuế	231,8	449,8	-48,47

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ số khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,69	1,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,17	1,01
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,82	0,67
Chỉ số thanh toán nợ			
Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,45	0,52
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,82	1,08
Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	2,08
Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	75,93	69,18
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,81	5,28
Chỉ số khả năng sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	19,69	21,05
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	%	7,41	12,37
Tỷ suất LNNT	%	7,43	12,39
Tỷ suất LNST	%	6,08	10,20
ROAA	%	8,93	17,62
ROEA	%	17,31	41,47

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 50.009.400 cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần ưu đãi	0 cổ phiếu
Số cổ phần đang lưu hành	50.009.400 cổ phiếu
Số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	49.872.600 cổ phần. (Theo DS cổ đông tại ngày 23/3/2021)
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	226.800 cổ phần. (Theo DS cổ đông tại ngày 23/3/2021)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	27.812.580	55,61%
2	- Trong nước	27.812.580	55,61%
	- Nước ngoài	-	0,00%
	Cổ đông khác	22.196.820	44,39%
3	- Trong nước	19.173.810	38,34%
	- Nước ngoài	3.023.010	6,04%
TỔNG CỘNG		50.009.400	100,00%
Trong đó: - Tổ chức		9.392.800	18,78%
- Cá nhân		40.616.600	81,22%

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2021

Sở hữu cổ đông lớn

STT	Cá nhân/ Tổ chức (tên người đại diện sở hữu)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Bùi Đức Thịnh	11.956.080	23,91%
2	CTCP Chứng khoán FPT	6.481.310	12,96%
3	Bùi Việt Quang	5.675.040	11,35%
4	Phạm Thị Sông Ngân	3.700.150	7,40%

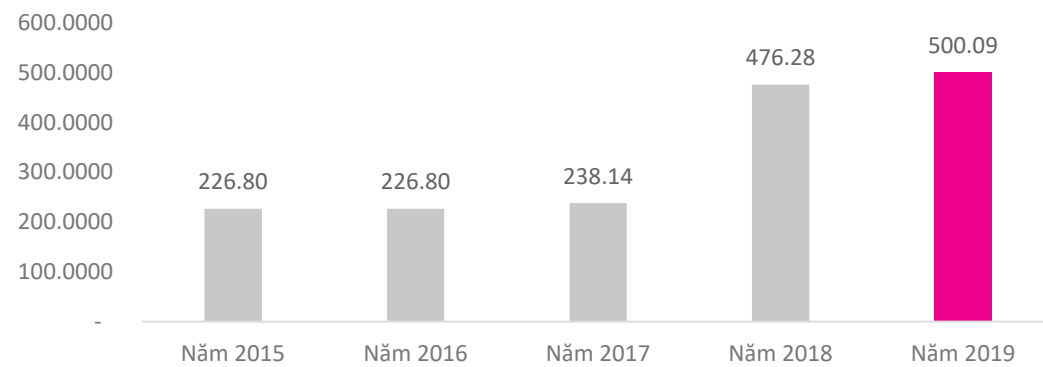
Theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2021

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2020, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

Thời điểm	Vốn điều lệ (VND)	Ghi chú
Tháng 08/2015	226.800.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Tháng 08/2017	238.140.000.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
Tháng 08/2018	476.280.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn chủ sở hữu
Tháng 04/2019	500.094.000.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Thay đổi Vốn điều lệ qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được căn cứ trên định mức đề ra và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với nhóm sản phẩm Gia công: Khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm.
- Đối với nhóm sản phẩm FOB và Chăn - ga - gối - đệm: Doanh nghiệp chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng đầu vào, ưu tiên phát triển mạng lưới hợp tác với các nhà cung ứng nguyên vật liệu trong nước.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình sản xuất với các tiêu chuẩn chặt chẽ, tránh gây lãng phí và ô nhiễm.



Tiêu thụ nước

STT	Tiêu chí	2020	Các biện tiết kiệm/xử lý nước năm 2020
1	Nhà cung cấp nước năm 2020	- Công Ty Cổ Phần cấp nước Nam Định - Công Ty Cổ Phần nước sạch & vệ sinh nông thôn tỉnh Nam Định	- Tuyên truyền ý thức về tích kiệm nước đến toàn thể CBCNV
2	Lượng nước tiêu thụ năm 2020 (m3)	324.421	- Lắp đặt mới các thiết bị tiết kiệm nước.
3	Chi phí tiền nước năm 2020 (VNĐ/ năm)	2.818.755.478	

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chủ yếu là tiêu thụ điện năng do Công ty điện lực Nam Định cung cấp. Bên cạnh đó công ty cũng đã tuân thủ sử dụng hệ thống điện đúng giờ quy định kết hợp với tuyên truyền ý thức tiết kiệm điện đến toàn thể cán bộ công nhân viên.

STT	Tiêu chí	2020
1	Nhà cung cấp điện	Công ty điện lực Nam Định
2	Lượng điện tiêu thụ năm 2020 (KWh)	12.187.681
3	Chi phí tiền điện năm 2020 (VNĐ/năm)	22.541.532.788

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Công ty về "Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường". Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: Không có.



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng nhân sự và thu nhập trung bình

- Số lượng nhân sự: Tính đến thời điểm 31/12/2020, toàn công ty có tổng cộng 9.561 lao động.
- Thu nhập trung bình: Năm 2020, thu nhập trung bình của người lao động tại công ty đạt 9,2 triệu đồng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng như áp dụng chính sách tiền lương, thưởng với mục tiêu khuyến khích người lao động làm việc lâu dài.
- Công ty có hỗ trợ tài chính để giúp người lao động trang trải các khoản chi phí cuộc sống như tiền nhà trọ, tiền cầu/đò/phà, hỗ trợ tiền con nhỏ, cơm ca, hỗ trợ tiền xăng xe – đưa đón, hỗ trợ hòa nhập.
- Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn – Vệ sinh viên đảm bảo kế hoạch cấp phát bao hộ lao động cũng như thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và chế độ riêng của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, khám sức khỏe đối với công nhân mới, khuyến học cho con người lao động và các chế độ khác) bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng như áp dụng chính sách tiền

lương, thưởng với mục tiêu khuyến khích người lao động làm việc lâu dài.

- Công ty có hỗ trợ tài chính để giúp người lao động trang trải các khoản chi phí cuộc sống như tiền nhà trọ, tiền cầu/đò/phà, hỗ trợ tiền con nhỏ, cơm ca, hỗ trợ tiền xăng xe – đưa đón, hỗ trợ hòa nhập.
- Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn – Vệ sinh viên đảm bảo kế hoạch cấp phát bao hộ lao động cũng như thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và chế độ riêng của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, khám sức khỏe đối với công nhân mới, khuyến học cho con người lao động và các chế độ khác).



Hoạt động đào tạo người lao động

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tiếp nhận đầy đủ các chương trình về đào tạo về quản trị công ty trong năm, đồng thời chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.

Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề. Cán bộ

công nhân viên các phòng nghiệp vụ, cán bộ từ cấp tổ trở lên được cử theo học các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý. Năm 2020, công ty triển khai Đề án đào tạo cán bộ kế cận: cán bộ quản lý cấp Tổ/Xưởng; cán bộ kỹ thuật - công nghệ, đồng thời tuyển chọn và đào tạo cán bộ chủ chốt cho Sông Hồng - Nghĩa Hưng.

Hoạt động hướng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tháng 10/2020, CBCNV toàn công ty đã quyên góp được hơn 600 triệu đồng, Công ty đã ủng hộ 1.500 chăn đông tới đồng bào vùng lũ tỉnh Quảng Bình.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình kết quả sản xuất kinh doanh 2020
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Phương hướng phát triển năm 2020

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020

Tình hình hoạt động năm 2020 và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc

Năm 2020 là một năm tăng trưởng đầy biến động của Công ty Cổ phần May Sông Hồng trước tình hình phức tạp của dịch bệnh COVID 19. Kết thúc năm 2020, lợi nhuận trước thuế đạt 283,3 tỷ đồng, tương đương 113,3% so với kế hoạch năm đề ra. Trong khi đó, doanh thu thuần đạt 3.813,4 tỷ đồng, tương đương 119,17% kế hoạch năm. Các chỉ tiêu hoạt động đều giảm so với năm 2019, tuy nhiên các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đã đề ra phản ánh tính hiệu quả của không chỉ chiến lược kinh doanh mà còn là kết quả của công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro được nghiên cứu và thực hiện chặt chẽ. Bên cạnh đó tổng giá trị tài sản của Công ty không có biến động lớn, tăng nhẹ 2,40% so với năm 2019 và được duy trì ở mức sử dụng đòn bẩy tài chính thấp. Điều này là do Công ty chủ trương sử dụng nguồn vốn tự có để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nhằm giúp Công ty chủ động trong kế hoạch hoạt động, không chịu áp lực chi phí lãi vay và dễ dàng huy động vốn vay khi cần thiết. Kết thúc năm, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của Công ty đạt 4.635 đồng, giảm 48,47% so với số thực tế năm 2019.

Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng tài sản của Công ty là 2.627,8 tỷ đồng, tăng 61,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019. Trong đó, tác động lớn nhất lên Tổng tài sản đến từ khoản ghi nhận tăng đối với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đạt 837,2 tỷ đồng, tăng 36,97% so với năm 2019. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 101,6 tỷ đồng, tương đương giảm 42,75%, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 22,7 tỷ đồng, tương đương giảm 5,44%.

Về số dư trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 181,7 tỷ đồng tăng 813,13% so với thời điểm kết thúc năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thực hiện trích lập 153,3 tỷ đồng đối với Công ty TNHH Easy Fashion Macao Commercial Offshore (New York & Company).

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
I	Tài sản ngắn hạn	2.001,2	1.940,9	60,3	3,11%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	136,1	237,7	-101,6	-42,75%
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	837,2	611,2	225,9	36,97%
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	395,6	418,4	-22,7	-5,44%
	- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-181,7	-19,9	-161,8	813,1%
1.4	Hàng tồn kho	614,9	659,2	-44,2	-6,71%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	17,3	14,4	2,9	20,26%
II	Tài sản dài hạn	626,5	625,3	1,2	0,20%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	21,3	11,1	10,3	93,21%
2.2	Tài sản cố định	554,5	576,1	-21,5	-3,74%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	14,3	12,1	2,2	18,5%
2.4	Tài sản dài hạn khác	36,3	26,1	10,2	39,22%
III	Tổng cộng tài sản	2.627,8	2.566,2	61,5	2,40%

Đơn vị: Tỷ đồng

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng các khoản Nợ phải trả của Công ty là 1.185,5 tỷ đồng, giảm 144,9 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019. Trong đó Nợ ngắn hạn giảm 84,1 tỷ đồng do số dư chi phí phải trả giảm mạnh 96,1 tỷ đồng. Số dư Nợ ngắn hạn so với năm 2019 giảm 6,62% cùng với không còn số dư nợ dài hạn giúp cho cơ cấu tài chính tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
I	Nợ ngắn hạn	1.185,5	1.269,6	-84,1	-6,62%
1.1	Phải trả cho người bán	144,1	168,5	-24,4	-14,48%
1.2	Người mua trả tiền trước	18,5	34,0	-15,4	-45,52%
1.3	Thuế và các khoản phải nộp NN	11,3	22,1	-10,8	-48,56%
1.4	Phải trả người lao động	389,6	388,0	1,6	0,41%
1.5	Chi phí phải trả	61,9	158,1	-96,1	-60,79%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	7,7	25,2	-17,5	-69,44%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	497,1	431,8	65,3	15,14%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35,3	22,1	13,2	60,15%
1.9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	19,9	20	-0,075	-0,38%
II	Nợ dài hạn		60,8		
2.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		60,8		
III	Tổng nợ phải trả	1.185,5	1.330,5	-144,9	-10,89%

Đơn vị: Tỷ đồng



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức:

Thông qua ĐHĐCĐ 2019, Công ty đã thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình có Ban kiểm soát sang mô hình không có Ban kiểm soát, trong đó, cơ cấu quản lý mới sẽ có sự tham gia của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Qua một năm thay đổi cơ cấu quản trị, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ được xem là cánh tay nối dài, hỗ trợ HĐQT trong việc kiểm soát hoạt động nội bộ Công ty tốt hơn, cải tiến tính hiệu lực của quy trình quản trị, và nâng cao khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh thông qua việc cung cấp các chức năng tư vấn và đánh giá hiệu quả, thiết kế của hệ thống quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro, từ đó gia tăng niềm tin của các cổ đông, các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công tác quản trị:

- Trong năm 2020 Công ty đã tiếp tục thực hiện cải tiến, nâng cấp, kết hợp tiếp tục triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP có sẵn với các công cụ quản trị phần mềm mới và hàng loạt phần mềm quản trị vệ tinh, từ đó làm tăng cao tính chính xác và kịp thời trong công tác quản lý sản xuất - kinh doanh, khai thác tối đa mọi nguồn lực của Công ty, triệt để tiết kiệm, chống tổn thất, lãng phí cùng với đó triển khai ERP cho các phân hệ khác và dự kiến sẽ triển khai phân hệ kế toán trong năm 2021.

- Văn bản hóa các quy trình, đánh giá xây dựng quy trình công việc, quy trình sản xuất nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao của từng công việc, giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra, hỗ trợ Ban lãnh đạo trong quá trình quản trị Công ty. Trong năm, Công ty đã hoàn thành đánh giá lại, đổi mới, hoàn thiện và phổ biến quy trình về công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm cho các phòng ban cũng như ứng dụng quy trình mới để phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược, kiểm soát chặt chẽ các rủi ro của Ban lãnh đạo.

Công tác quản lý, đào tạo và phát triển nguồn lực:

Nguồn nhân lực là một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp, công tác đào tạo và phát triển nguồn lực luôn được Công ty cổ phần May Sông Hồng ưu tiên đề cao thực hiện. Tại Công ty cổ phần May Sông Hồng, cán bộ công nhân viên thường xuyên được tiếp nhận đào tạo, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp tới công việc mà mình phụ trách. Hiện nay, khi nhiều công đoạn sản xuất đơn giản đã được tự động hóa, người lao động được tập trung đào tạo cho những công đoạn phức tạp mà máy móc không thể thay thế nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng việc đầu tư xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp từ phát triển mẫu, mua hàng, quản lý đơn hàng là một trong những ưu tiên

Phương hướng phát triển năm 2021

Khi mà dịch bệnh vẫn đang hoành hành với nhiều diễn biến phức tạp, 2021 tiếp tục được dự báo một năm khó lường cho ngành Dệt may nói chung và May Sông Hồng nói riêng. Công ty tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo sự ổn định cho người lao động, nâng cao năng lực quản trị thông qua hoàn thiện hệ thống phần mềm và đào tạo người lao động.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về mọi mặt hoạt động của công ty
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc
Kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản trị

Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Về kết quả sản xuất kinh doanh

Nhìn chung, trong năm Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Đại hội cổ đông thường niên 2020 đề ra trong khi tiếp tục duy trì cơ cấu nguồn vốn hợp lý và các chỉ tiêu an toàn tài chính ở mức lành mạnh. Kết quả này có được là một sự nỗ lực lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BTGD

Trong năm 2020, trước những diễn biến khó lường của dịch bệnh tạo ra những bất lợi cho thị trường dệt may, Hội đồng quản trị Công ty đã đồng hành, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, theo dõi sát sao các diễn biến thị trường cũng như các hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc nhằm tuân thủ những quy định về pháp luật và điều lệ của công ty, từ đó đưa ra những chỉ đạo kịp thời nhằm ứng phó với mọi tình hình nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình hoạt động cũng như hoàn thành các mục tiêu đã được đề ra.

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2020 khởi đầu đầy khó khăn do tình hình dịch bệnh ngày một lan rộng với những hệ lụy ngày một lớn lên nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất nói riêng. Tình hình này đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ và những nỗ lực to lớn của toàn thể CBCNV công ty. HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc đạt được những mục tiêu lớn của nhiệm kỳ 2019 - 2023 là:

1. Xây dựng Công ty Cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.
 2. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Việc triển khai các mục tiêu trên cho năm 2021 sẽ bao



gồm các định hướng sau:

1. Xây dựng và triển khai các kế hoạch linh hoạt sẵn sàng ứng phó với sự lan rộng của dịch bệnh nhằm giảm thiểu thiệt hại.
2. Đảm bảo ổn định đời sống của người lao động, ưu tiên đội ngũ công nhân.
3. Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho khối chuẩn bị sản xuất.
4. Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.
5. Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến để đảm bảo năng suất, chất lượng, và nâng cao hiệu quả quản trị.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Giao dịch và thù lao của HĐQT, TBKTNB và BTGD

Tăng cường quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ Tịch HĐQT	11.956.080	23,91%
2	Bà Lê Hồng Yến	Thành Viên HĐQT	226.800	0,45%
3	Ông Bùi Việt Quang	Thành Viên HĐQT	5.675.040	11,35%
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	900.000	1,79%
5	Ông Bernard Szeto W.K	Thành Viên HĐQT độc lập	-	0,00%
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	-	0,00%

Các tiểu ban thuộc HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT độc lập kiêm trưởng tiểu ban kiểm toán	-	0,00%
2	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên tiểu ban kiểm toán	314.080	0,63%
3	Ông Đinh Tràng Thi	Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên tiểu ban kiểm toán	-	0,00%

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ Tịch HĐQT	28/09/2014	4/4	100%	
2	Ông Bùi Việt Quang	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	4/4	100%	
3	Bà Lê Hồng Yến	Thành viên HĐQT	28/09/2014	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	4/4	100%	
5	Ông Bernard Szeto W.K	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	1/4	25%	Dịch bệnh
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	4/4	100%	Lý do cá nhân

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2020 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- *Giám sát tình hình tài chính:* xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.

- *Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh:* thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.

- *Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty:* chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Tiểu ban Kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 06 năm 2020. Trong năm 2020, Tiểu ban Kiểm toán tổ chức họp 01 lần vào ngày 01/06/2020.

Các nghị quyết/quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	10/2020/NQ/HĐQT/MSH	20/02/2020	Nghị quyết về tổ chức ĐHCĐ 2020
2	18/2020/NQ-HĐQT	23/03/2020	Nghị quyết về gia hạn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
3	33/2020/NQ/HĐQT/MSH	13/05/2020	Nghị quyết tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
4	60/2020/NQ/HĐQT/MSH	28/09/2020	Nghị quyết về việc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ngoài các trách nhiệm được giao trong các tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập còn có những trách nhiệm sau:

- Tham gia quá trình tìm kiếm, phát triển khách hàng và mở rộng thị trường.
- Tham gia phân tích, đánh giá tính hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường kinh doanh.
- Tham gia tư vấn, hỗ trợ quản trị Công ty theo các thông lệ Quốc tế.



Tiểu ban kiểm toán nội bộ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành Viên Tiểu BKT	314.080	0,63%
2	Ông Bernard Szeto W.K	Trưởng Tiểu BKT	0	0,00%
3	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên Tiểu BKT	0	0,00%

Hoạt động giám sát của Tiểu ban kiểm toán nội bộ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông
 Tiểu ban kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh. Tiểu ban kiểm toán thảo luận và phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2020 của kiểm toán nội bộ và tiếp tục giám sát việc Ban Tổng Giám Đốc thực hiện các khuyến nghị của Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

Sự phối hợp hoạt động giữa Tiểu ban kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về việc cung cấp các thông tin cần thiết cho Tiểu ban kiểm toán nội bộ. Các thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết.



Giao dịch và thù lao của HĐQT, BTGD

Thù lao

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc nhận được tổng mức thù lao là: 2.389.161.849 đồng.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
I. Người nội bộ							
1	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên tiểu ban kiểm toán	334.080	0,668%	314.080	0,628%	Chuyển nhượng thành công 20.000 cổ phần ngày 08/6/2020
2	Trần Trí Dũng	Phó TGD	226.800	0,45%	0	0	Chuyển nhượng thành công 226.800 cổ phần ngày 05/10/2020
3	Bùi Đức Thịnh	CT HĐQT	11.729.280	23,45%	11.956.080	23,91%	Mua thành công 226.800 cổ phần ngày 05/10/2020
4	Nguyễn Mạnh Tường	Phó TGD	567.480	1,13%	900.000	1,79%	Mua thành công 332.520 cổ phần 04/11/2020
II. Người có liên quan của Ông Nguyễn Mạnh Tường - Chức vụ: TV HĐQT & Phó TGD							
1	Nguyễn Thị Bích Hải	Vợ Phó TGD	327.000	0,65%	0	0	Chuyển nhượng thành công 327.000 cổ phần ngày 07/10/2020
III. Người có liên quan của Ông Lê Văn Quang - Chức vụ: Kế toán trưởng							
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ	453.320	0,95%	337.000	0,7%	Chuyển nhượng thành công 116.320 cổ phần ngày 15/12/2020

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2020, không có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

Tăng cường quản trị công ty

Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

- Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Nghị định Số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/nđcp ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Luật Chứng Khoán số: 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2020, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin, định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông, xây dựng điều lệ và quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2020, Công ty tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và minh bạch.

Quản trị tài chính-kế toán: Phòng kế toán sử dụng phần mềm Bravo. Bên cạnh đó công ty đang triển khai ERP cho các phân hệ khác, năm 2021 dự kiến sẽ triển khai phân hệ kế toán.

Quản trị nhân sự: Sử dụng phần mềm độc quyền, phát triển riêng cho công ty, để quản lý database.

Quản trị quan hệ khách hàng: Phòng kinh doanh giữ vai trò chăm sóc cũng như là cầu nối mang đến sự chặt chẽ và đảm bảo cho khách hàng.

Quản trị quan hệ chất lượng: Bộ phận quản lý chất lượng giám sát các hoạt động và công đoạn trong công ty theo các quy chuẩn quốc tế áp dụng cho ngành may, để đảm bảo chất lượng cao, giao hàng đúng, khách hàng hài lòng.



A close-up photograph of a person's hands holding a pair of black-rimmed glasses. The person is wearing a silver ring on their left ring finger and a gold watch with a brown leather strap on their left wrist. The background shows a desk with various items: a calculator with buttons for MU, ÷, ×, -, and +; a blue notebook; a pen; and several sheets of paper with financial charts and graphs, including a pie chart and a line graph. The overall scene suggests a professional or academic setting related to finance or accounting.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") và Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng ("Công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Bùi Việt Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên
Bà Lê Hồng Yến	Thành viên
Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên
Ông Đinh Tráng Thi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
Ông Bùi Việt Quang	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám Đốc

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty và Công ty con tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty và Công ty con hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và Công ty con, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Chỉ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty và Công ty con tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất
của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
108 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1688
F +84 24 3850 1688

Số 20-11-009-4

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") và Công ty con, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và Công ty con liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty và Công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Nguyễn Tuấn Nam
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0808-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Dịch Dũng
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 2484-2019-068-1
Kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	2.001.242.577.202	1.940.921.455.877
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	136.083.117.843	237.680.135.635
Tiền		111	132.083.117.843	109.077.614.973
Các khoản tương đương tiền		112	4.000.000.000	128.602.320.662
Dầu tư tài chính ngắn hạn		120	837.222.907.924	611.244.162.116
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	837.222.907.924	611.244.162.116
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	395.670.356.347	418.428.321.467
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	547.548.744.204	386.866.100.577
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	25.135.023.200	45.652.514.059
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	4.704.258.182	5.810.196.185
Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	10	137	(181.717.669.239)	(19.900.489.354)
Hàng tồn kho	11	140	614.972.626.774	659.188.669.836
Hàng tồn kho		141	655.827.927.490	671.635.278.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(40.855.300.716)	(12.446.608.990)
Tài sản ngắn hạn khác		150	17.293.568.314	14.380.166.823
Chi phí trả trước ngắn hạn	12	151	5.393.535.918	5.474.443.351
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	10.483.856.702	8.817.379.962
Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước		153	1.416.175.694	88.343.510
Tài sản dài hạn		200	626.512.690.087	625.290.224.260
Các khoản phải thu dài hạn		210	21.374.768.500	11.062.783.500
Phải thu dài hạn khác	9	216	21.374.768.500	11.062.783.500
Tài sản cố định		220	554.584.240.821	576.122.075.504
Tài sản cố định hữu hình	13	221	541.602.708.924	557.830.489.637
- Nguyên giá		222	1.501.429.065.608	1.393.716.105.369
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(959.826.356.684)	(835.885.615.732)
Tài sản cố định vô hình		227	12.981.531.897	18.291.585.867
- Nguyên giá		228	30.499.707.406	27.963.593.153
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(17.518.175.509)	(9.672.007.286)
Tài sản dở dang dài hạn		240	14.286.046.630	12.055.399.444
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	14.286.046.630	12.055.399.444
Tài sản dài hạn khác		260	36.267.634.136	26.049.965.812
Chi phí trả trước dài hạn	12	261	36.267.634.136	26.049.965.812
Tổng tài sản		270	2.627.755.267.289	2.566.211.680.137

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	1.185.555.218.921	1.330.468.181.943
Nợ ngắn hạn		310	1.185.555.218.921	1.269.619.775.866
Phải trả người bán ngắn hạn	14	311	144.068.664.336	168.469.500.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	312	18.509.203.617	33.974.869.212
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	313	11.349.073.322	22.060.661.708
Phải trả người lao động	17	314	389.562.690.558	387.965.379.493
Chi phí phải trả ngắn hạn	18	315	61.987.218.131	158.103.339.240
Phải trả ngắn hạn khác	19	319	7.897.449.756	25.205.705.251
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	320	497.137.040.502	431.786.042.345
Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	19.924.845.652	20.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	322	36.319.033.047	22.054.278.377
Nợ dài hạn		330	-	60.848.406.077
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	338	-	60.848.406.077
Vốn chủ sở hữu		400	1.442.200.048.368	1.235.743.498.194
Vốn chủ sở hữu		22	1.442.084.912.368	1.235.743.498.194
Vốn góp của chủ sở hữu	23	411	500.094.000.000	500.094.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	500.094.000.000	500.094.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	183.792.535.504	183.792.535.504
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	1.972.416.636	1.972.416.636
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	682.688.694.648	476.335.355.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	450.892.124.459	251.508.436.633
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	231.806.570.189	224.828.918.409
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422	71.000.000	71.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	73.466.265.580	73.478.191.012
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	115.136.000	-
Nguồn kinh phí		431	115.136.000	-
Tổng nguồn vốn		440	2.627.755.267.289	2.566.211.680.137



Nam Định, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

[Signature]

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	01	3.817.925.016.346	4.411.871.787.236
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	(4.516.183.141)	(619.023.385)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	3.813.408.833.205	4.411.252.763.851
Giá vốn hàng bán	27,32	11	(3.062.364.766.267)	(3.482.814.704.917)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	751.044.066.938	928.438.058.934
Doanh thu hoạt động tài chính	28	21	62.708.805.757	61.432.083.045
Chi phí tài chính	29	22	(18.187.144.376)	(28.749.456.247)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(15.184.168.524)	(22.555.989.911)
Chi phí bán hàng	30,32	25	(136.931.095.574)	(180.273.548.988)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,32	26	(375.930.331.229)	(235.356.819.389)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	282.704.301.516	545.490.317.355
Thu nhập khác		31	2.132.247.258	1.863.100.807
Chi phí khác		32	(1.553.397.078)	(818.610.511)
Lãi khác		40	578.850.180	1.044.490.296
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33	50	283.283.151.696	546.534.807.651
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	51	(51.488.506.939)	(96.689.027.413)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22	60	231.794.644.757	449.845.780.238
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22	61	231.806.570.189	449.867.589.226
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	62	(11.925.432)	(21.806.988)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	70	4.635	9.113



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

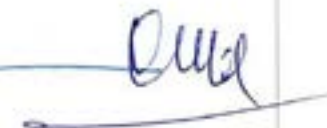
	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		283.283.151.696	546.534.807.651
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		131.786.909.175	117.872.780.232
Các khoản dự phòng	03		190.150.717.263	19.330.927.889
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.753.632.848)	244.866.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(48.185.877.490)	(49.027.729.504)
Chi phí lãi vay	06		15.184.168.524	22.555.989.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		564.465.436.320	657.511.642.307
Thay đổi các khoản phải thu	09		(155.433.954.610)	87.150.054.901
Thay đổi hàng tồn kho	10		15.807.351.336	26.675.255.742
Thay đổi các khoản phải trả	11		(152.902.899.835)	(8.522.858.575)
Thay đổi chi phí trả trước	12		(10.136.760.891)	(217.793.553)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.184.168.524)	(22.555.989.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(62.000.000.000)	(103.183.745.155)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.073.339.913)	(16.899.772.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		172.541.663.883	619.956.793.179
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(101.673.651.042)	(75.348.437.547)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	600.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.201.469.224.324)	(1.268.295.766.595)
Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		975.490.478.516	1.141.741.104.479
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		48.185.877.490	48.427.729.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(279.466.519.360)	(152.875.370.159)


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu				
		31	-	97.314.000.000
Tiền thu từ đi vay				
		33	2.528.552.389.362	2.571.483.817.848
Tiền chi trả nợ gốc vay				
		34	(2.514.229.882.317)	(2.855.880.625.169)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu				
		36	(9.059.181.000)	(240.056.482.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính				
		40	5.263.326.045	(427.139.289.321)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
		50	(101.661.529.432)	39.942.133.699
Tiền và tương đương tiền đầu năm				
	5	60	237.680.135.635	197.739.255.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
		61	64.511.640	(1.253.100)
Tiền và tương đương tiền cuối năm				
	5	70	136.083.117.843	237.680.135.635


Nam Định, Việt Nam
Ngày 29 tháng 1 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Lê Văn Quang
Kế toán trưởng


Lê Văn Quang
Người lập biểu

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty và Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Công ty đã có 18 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600333307 thay đổi lần thứ 18 ngày 20 tháng 5 năm 2019 thì Văn Điều lệ của Công ty tăng lên thành 500.094.000.000 VND (bằng chữ: Năm trăm tỷ không trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Tổng số cổ phần là: 50.009.400 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Mã chứng khoán: MSH, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE").

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh thuốc lá điều nội, rượu bia các loại và hóa mỹ phẩm;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty); và
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng (Không bao gồm môi giới, đấu giá sàn giao dịch bất động sản).

Trong năm 2020, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm.

Trụ sở chính của Công ty là tại số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam và văn phòng chi nhánh tại số 419A đường Ngô Gia Tự, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, công ty con được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0601175406 ngày 1 tháng 2 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 150 tỷ VND được sở hữu 51% bởi Công ty. Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng có trụ sở chính đặt tại Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và Công ty con có 9.935 nhân viên (31 tháng 12 năm 2019: 9.969 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và Công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VND").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con không nhằm đánh giá cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và báo cáo tài chính của Công ty con như trình bày ở Thuyết minh số 1.

Công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Công ty từ hoạt động của công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỷ lệ tương ứng với lợi ích mà Công ty không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con sẽ được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con. Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và Công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền kỳ quỹ kỹ cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí đền bù đất. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bán giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo sử dụng đất đi thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty và Công ty con nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ (1) năm đến ba (3) năm.

4.12 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và Công ty con đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty và Công ty con sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.15 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty và Công ty con có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty và Công ty con không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam với văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và Công ty con có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và Công ty con và được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty và Công ty con tại thời điểm báo cáo.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư XDCB của Công ty và Công ty con.

4.18 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và Công ty con được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản tiền gửi đáo hạn mà khi đó Công ty không thực hiện đáo hạn các khoản tiền gửi trước hạn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.21 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.23 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty và Công ty con phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.24 Báo cáo theo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và công ty con chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng và công ty con không lập báo cáo theo bộ phận.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty và Công ty con tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	768.026.583	1.825.286.598
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	131.315.091.260	107.252.528.375
	132.083.117.843	109.077.814.973
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	23.000.000.000
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi (i)	4.000.000.000	105.602.320.662
	4.000.000.000	128.602.320.662
	136.083.117.843	237.680.135.635

(i) Các khoản chứng chỉ tiền gửi mua của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 4%/năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	35.000.000.000	-	375.500.000.000	-
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi (ii)	719.222.907.924	-	235.744.162.116	-
Chứng chỉ tiền gửi (iii)	83.000.000.000	-	-	-
	837.222.907.924	-	611.244.162.116	-

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Các khoản trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi, có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 1 năm với lãi suất dao động từ 7,2%/năm đến 8%/năm.

(iii) Các khoản chứng chỉ tiền gửi mua của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn gốc trên 1 năm với lãi suất từ 8,75%/năm đến 9,05%/năm, các khoản chứng chỉ tiền gửi này sẽ đến đáo hạn trong năm 2021.

7. Phải thu của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Columbia Sportwear	39.550.350.551	38.082.005.313
Công ty TNHH Easy Fashion Macao Commercial Offshore (New York & Company)	218.018.771.155	47.688.899.794
Công ty TNHH Sae-A Trading Co., Ltd	7.187.489.427	11.428.479.452
Công ty TNHH G-III Apparel Group (G- III Leather Fashions, Inc)	45.043.111.140	107.515.771.663
Công ty TNHH Haddad Apparel Group	44.110.545.753	83.716.208.642
Công ty TNHH Lũng (Trading) - Express LLC	-	16.800.418.133
Công ty TNHH Product Development Partners	49.132.833.068	-
Công ty TNHH Products Development Partners - Walmart, INC	73.128.951.238	-
Phải thu khách hàng khác	71.376.691.872	81.634.317.580
	547.548.744.204	386.866.100.577

8. Trả trước cho người bán

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	10.000.000.000
Khác	15.135.023.200	35.652.514.059
	25.135.023.200	45.652.514.059

9. Các khoản phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	130.744.000	443.751.490
Kỳ quỹ, kỳ cước	606.825.500	606.825.500
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	940.204.000	940.204.000
Khác	3.026.484.682	3.819.415.195
	4.704.258.182	5.810.196.185
Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	21.374.768.500	11.062.783.500
	26.079.026.682	16.872.979.685

10. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2020			31 tháng 12 năm 2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Tập đoàn Prime Apparel	27.761.439.507	-	27.761.439.507	27.867.508.458	8.387.874.096	19.479.634.362
Công ty TNHH Easy Fashion Macao Commercial Offshore (New York & Company)	218.018.771.155	64.483.396.415	153.535.374.740	47.688.899.794	47.688.899.794	-
Các khách hàng khác	420.854.992	-	420.854.992	420.854.992	-	420.854.992
	246.201.065.654	64.483.396.415	181.717.669.239	75.977.263.244	56.076.773.890	19.900.489.354

11. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.484.827.992	-	34.646.771.441	-
Nguyên liệu, vật liệu	163.800.875.736	(20.380.406.899)	224.957.920.451	(2.859.047.354)
Công cụ, dụng cụ	702.864.032	-	1.138.055.874	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.319.900.235	-	102.442.379.235	-
Thành phẩm	395.671.803.378	(20.474.893.817)	298.836.401.211	(9.587.561.636)
Hàng gửi bán	4.847.656.117	-	9.613.750.613	-
	655.827.927.490	(40.855.300.716)	671.635.278.826	(12.446.608.990)

Bao gồm trong thành phẩm và nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 7.136.783.518 VND và 27.253.674.630 VND (31 tháng 12 năm 2019: 5.859.836.992 VND và 5.718.094.707 VND) đã được lập dự phòng cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Bao gồm trong giá trị thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.392.555.520 VND (31 tháng 12 năm 2019: 17.983.839.546 VND) đã được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.446.608.990	17.657.091.642
Tăng dự phòng trong năm	28.408.691.726	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(5.210.482.652)
Số dư cuối năm	40.855.300.716	12.446.608.990

12. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	933.880.400	3.239.297.639
Chi phí khác	4.459.655.518	2.235.145.712
	5.393.535.918	5.474.443.351
Dài hạn		
Tiền thuê đất	17.592.923.425	18.081.615.745
Công cụ, dụng cụ	17.706.283.691	7.968.350.067
Chi phí khác	968.427.020	-
	36.267.634.136	26.049.965.812
	41.661.170.054	31.524.409.163

GJM

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
	Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2020	923.251.390.523	407.211.401.100	34.729.582.698	28.523.731.048	1.393.716.105.369
Mua trong năm	32.559.107.305	70.303.909.252	2.838.618.182	2.211.325.500	107.712.960.239
31 tháng 12 năm 2020	955.810.497.828	477.515.310.352	37.368.200.880	30.735.056.548	1.501.429.065.608
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2020	(487.117.857.675)	(304.983.715.121)	(20.933.399.920)	(22.850.643.016)	(835.885.615.732)
Khấu hao trong năm	(71.083.004.481)	(46.211.708.039)	(3.868.848.768)	(2.777.179.664)	(123.940.740.952)
31 tháng 12 năm 2020	(558.200.862.156)	(351.195.423.160)	(24.802.248.688)	(25.627.822.680)	(959.826.356.684)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2020	436.133.532.848	102.227.685.979	13.796.182.778	5.673.088.032	557.830.489.637
31 tháng 12 năm 2020	397.609.635.672	126.319.887.192	12.565.952.192	5.107.233.868	541.602.708.924

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có các tài sản hình thành từ các khoản vay của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khoảng 418 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 369 tỷ VND).

14. Phải trả người bán

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba		
GJM (HK) Company – A Division of Luenthai International Group	17.322.499.826	4.097.416.116
Công ty TNHH Nhân mác và Bao bì Maxim Việt Nam	9.475.633.317	6.494.896.029
Công ty TNHH Formosa Taffeta	3.788.670.087	4.238.191.996
Công ty TNHH Promax Textile - Việt Nam	4.039.272.573	2.772.350.881
Công ty TNHH Thanh Dũng	5.589.028.190	8.085.400.626
Công ty YKK Việt Nam	2.205.452.838	2.580.356.130
Shang Hai Sunway International Ltd	7.185.814.107	-
Công ty TNHH Lectra Việt Nam	-	5.641.370.251
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thái Dương	-	5.836.330.600
Victory City Company Limited	-	10.130.726.119
Phải trả cho các đối tượng khác	84.550.722.285	113.584.753.230
	134.157.093.223	163.461.791.978
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	9.911.571.113	5.007.708.262
	144.068.664.336	168.469.500.240

GJM

15. Người mua trả tiền trước

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thái Dương	6.948.921.027	14.513.769.329
Nhà phân phối sản phẩm chính thức Thịnh Sơn	1.211.103.044	2.346.298.092
Nhà phân phối sản phẩm Uân Nga	-	808.302.393
Nhà phân phối sản phẩm Tâm Khoa	-	2.379.200.890
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Nam Long	-	1.414.354.629
Các đối tượng khác	10.349.179.546	12.512.943.879
	18.509.203.617	33.974.869.212

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	322.557.115	722.187.529
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	805.398.689	-
Thuế nhập khẩu	79.020.596	359.053.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.142.096.922	20.653.589.983
Các loại thuế khác	-	325.831.081
	11.349.073.322	22.060.661.708

17. Phải trả người lao động

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Lương phải trả người lao động	75.174.253.559	77.202.650.655
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	169.454.007.300	164.454.007.300
Tiền thưởng phải trả người lao động	144.934.429.699	146.308.721.538
	389.562.690.558	387.965.379.493

18. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Ngắn hạn		
Chi phí tiền lương phép	33.853.909.676	31.565.711.170
Chi phí bảo hộ lao động	-	40.775.467.642
Chi phí cơm ca	3.227.652.449	55.833.818.001
Trích trước thưởng hoa hồng, doanh số	23.295.499.577	28.176.433.434
Khác	1.610.156.429	1.751.908.993
	61.987.218.131	158.103.339.240

70
NI
TH
T
70

19. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	777.775.698	768.180.217
Bảo hiểm xã hội	-	493.145.987
Bảo hiểm y tế	-	50.474.242
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.923.650
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (i)	2.641.538.125	2.665.915.112
Phải trả cổ tức	184.647.000	9.243.828.000
Phải trả ốm đau thai sản cho nhân viên	750.064.419	482.346.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.343.424.514	11.499.891.256
	7.697.449.756	25.205.705.251

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH May mặc Sông Hồng về phí kiểm tra hàng mẫu và chi phí hoạt động theo quy chế hoạt động của Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (Thuyết minh số 35).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Số dư đầu năm	22.054.278.377	20.299.480.170
Trích trong năm	25.453.230.583	18.491.303.428
Sử dụng trong năm	(12.188.475.913)	(16.736.505.221)
Số dư cuối năm	35.319.033.047	22.054.278.377

70
NI
TH
T
70

21. Vay và nợ thuế tài chính

	31 tháng 12 năm 2020		Trong năm		31 tháng 12 năm 2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tặng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (i)	28.868.985.658	28.868.985.658	479.756.746.491	573.328.876.164	122.431.115.331	122.431.115.331
Vay USD - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định (ii)	-	-	469.754.338.986	523.161.447.968	53.407.108.962	53.407.108.962
Vay USD - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (iii)	468.278.054.844	468.278.054.844	1.598.861.218.850	1.376.530.982.038	255.947.818.032	255.947.818.032
	497.137.040.502	497.137.040.502	2.538.372.304.327	2.473.021.306.170	431.786.042.345	431.786.042.345
Vay dài hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (iv)	-	-	-	60.848.406.077	60.848.406.077	60.848.406.077
	-	-	-	60.848.406.077	60.848.406.077	60.848.406.077
	497.137.040.502	497.137.040.502	2.538.372.304.327	2.533.869.712.247	492.634.448.422	492.634.448.422

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/232413/HĐTD ngày 6 tháng 5 năm 2020 có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND, với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021). Tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản Bên vay, Bên thứ ba đã, đang và sẽ thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký kết với Ngân hàng tại mọi thời điểm (nếu có). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,3%/năm.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24053.19.775.2224835.TD ngày 30 tháng 6 năm 2019 có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD (bao gồm toàn bộ giá trị hạn mức cho vay, hạn mức phát hành L/C, hạn mức bảo lãnh và hạn mức chiết khấu). Với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất công nghệ dệt may xuất khẩu. Chi tiết về hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm và việc nhận tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Ngân hàng và Công ty hoặc bên thứ ba. Các khoản vay này giải ngân bằng USD và chịu lãi suất 3%/năm. Toàn bộ khoản vay đã được thanh toán vào tháng 12 năm 2020.
- (iii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng Cấp tín dụng hạn mức số 01/2020/VCB.NDI/8653913/CTD ngày 13 tháng 10 năm 2020 có hạn mức tín dụng là 500 tỷ VND. Với mục đích sử dụng vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 13 tháng từ ngày 13 tháng 10 năm 2020. Biện pháp đảm bảo được quy định tại Điều 4 Hợp đồng Cấp tín dụng. Các khoản vay này giải ngân bằng USD và chịu lãi suất từ 2,0% đến 2,8%/năm
- (iv) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 27 tháng 5 năm 2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2017/232413/HĐTD tháng 2 năm 2017 có hạn mức cho vay là 240 tỷ VND, cho vay bằng VND và USD. Với mục đích vay là để đầu tư xây dựng dự án khu sản xuất tổng hợp Sông Hồng - Nghĩa Hưng tại xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Thời hạn cho vay là 7 năm tính từ ngày giải ngân lần đầu trong đó thời gian ân hạn là 1 năm. Hình thức đảm bảo vốn vay là toàn bộ các hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hợp đồng đảm bảo khác được kí kết giữa ngân hàng, bên đi vay và bên thứ ba ở mọi thời điểm. Khoản vay được hoàn trả hàng năm, trong vòng 7 năm với thời gian ân hạn 1 năm, bắt đầu từ ngày 1

23

17/09/2020

tháng 1 năm 2016 và lần trả cuối cùng là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay thực tế là 9,5%/năm (nếu giải ngân bằng VND) và 5%/năm (nếu giải ngân bằng USD), điều chỉnh 6 tháng một lần. Toàn bộ khoản vay đã được thanh toán vào tháng 10 năm 2020

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		Nguồn vốn đầu tư XDCB VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		Tổng VND	
	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi	Số dư	Thay đổi
Số dư, 1 tháng 1 năm 2019	476.260.000.000	-	183.792.535.504	-	1.972.416.636	-	71.000.000	-	-	-	-	-	933.559.877.540	-
Phát hành cổ phiếu trong năm	23.814.000.000	-	-	-	-	-	-	-	449.867.569.226	-	-	-	97.314.000.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.491.303.428)	-	-	-	449.845.790.238	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(225.042.300.000)	-	-	-	(18.491.303.428)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.442.556.156)	-	-	-	(225.042.300.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.442.556.156)	-	-	-	(1.442.556.156)	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019	500.074.000.000	-	183.792.535.504	-	1.972.416.636	-	71.000.000	-	476.335.355.042	-	-	-	1.235.743.498.194	-
Số dư, 1 tháng 1 năm 2020	500.094.000.000	-	183.792.535.504	-	1.972.416.636	-	71.000.000	-	476.335.355.042	-	-	-	1.235.743.498.194	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	231.806.570.189	-	-	-	(11.925.432)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.453.230.583)	-	-	-	231.794.644.757	-
Số dư, 31 tháng 12 năm 2020	500.094.000.000	-	183.792.535.504	-	1.972.416.636	-	71.000.000	-	682.688.694.648	-	-	-	1.442.084.912.368	-

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 42/2020/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 27 tháng 6 năm 2020.

17/09/2020

23. Vốn góp chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND	% Sở hữu	VND	% Sở hữu
Ông Bùi Đức Thịnh	119.560.800.000	23,91%	117.292.800.000	23,45%
Ông Bùi Việt Quang	56.750.400.000	11,35%	56.750.400.000	11,35%
Bà Nguyễn Thị Đào	4.300.000.000	0,86%	36.991.320.000	7,40%
Bà Phạm Thị Sòng Ngân	37.001.500.000	7,40%	4.310.180.000	0,86%
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	64.800.000.000	12,96%	64.800.000.000	12,96%
Các cổ đông khác	217.681.300.000	43,53%	219.949.300.000	43,98%
	500.094.000.000	100%	500.094.000.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm	500.094.000.000		476.280.000.000	
Vốn góp tăng trong năm	-		23.814.000.000	
Vốn góp cuối năm	500.094.000.000		500.094.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-		(225.042.300.000)	

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Số lượng cổ phiếu		Số lượng cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.009.400		50.009.400	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.009.400		50.009.400	
- Cổ phiếu phổ thông	50.009.400		50.009.400	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.009.400		50.009.400	
- Cổ phiếu phổ thông	50.009.400		50.009.400	

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Lợi nhuận sau thuế	231.806.570.189		449.845.780.238	
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	231.806.570.189		449.845.780.238	
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	50.009.400		49.361.712	
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	4.635		9.113	

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
Góc ngoại tệ:				
- Đô la Mỹ ("USD")	5.561.277		4.144.798	

26. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Doanh thu bán hàng hóa	2.929.904.640.979		3.691.469.040.838	
Doanh thu dịch vụ gia công	888.020.375.367		720.402.746.398	
	3.817.925.016.346		4.411.871.787.236	

27. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.312.820.240.290		2.849.553.082.561	
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	749.544.525.977		633.261.622.356	
	3.062.364.766.267		3.482.814.704.917	

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Lãi tiền gửi	48.185.877.490		48.427.729.504	
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.522.928.267		13.004.353.541	
	62.708.805.757		61.432.083.045	

29. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Lãi tiền vay	15.184.168.524		22.555.989.911	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.002.975.852		6.193.466.336	
	18.187.144.376		28.749.456.247	

30. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND		VND	
Chi phí nguyên vật liệu	11.400.794.774		6.858.937.428	
Chi phí khấu hao	3.828.288.094		2.013.420.438	
Chi phí nhân công	2.530.330.157		2.876.437.529	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.608.471.044		149.612.233.337	
Chi phí bán hàng khác	7.563.211.505		18.912.520.256	
	136.931.095.574		180.273.548.988	

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.800.982.268	7.397.622.861
Chi phí khấu hao	22.619.819.463	24.360.243.112
Chi phí nhân công	101.431.653.955	107.490.890.604
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	161.817.179.885	9.356.717.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.677.969.122	53.778.203.898
Các khoản chi phí khác	39.582.726.536	32.973.341.555
	375.930.331.229	235.356.819.389

32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.847.939.915.962	2.158.250.091.693
Chi phí nhân công	1.315.666.723.391	1.327.864.102.002
Chi phí khấu hao	131.786.909.175	117.872.780.232
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	161.817.179.885	9.356.717.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.639.958.801	363.490.174.043
Chi phí khác	113.827.527.015	199.343.510.004
	3.809.678.214.229	4.176.177.375.335

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế.

Công ty con

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các quy định thuế hiện hành, mức thuế suất phổ thông giảm từ 25% xuống 22% cho 2 năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo.

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	283.283.151.696	546.534.807.851
Các khoản điều chỉnh cho:		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay	(489.054.322)	(2.441.532.963)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.003.934.281	489.054.322
Các chi phí không được trừ	888.280.562	1.638.550.979
Thu nhập tính thuế hiện hành ước tính	286.686.312.217	546.220.879.969
Trong đó:		
Lỗi của công ty con	(24.337.617)	(44.508.139)
Thu nhập tính thuế từ dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế suất (10%) (*)	58.536.230.274	125.640.502.087
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	228.174.419.560	420.624.886.021
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	5.853.623.027	12.564.050.209
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	45.634.883.912	84.124.977.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.488.506.939	96.689.027.413

(*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc thực hiện đầu tư bổ sung và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất ("dự án đầu tư mở rộng") tại nhà máy Sông Hồng 9. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm và miễn 50% thuế TNDN phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm từ hai dự án đầu tư mở rộng này theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Việc tính thuế TNDN còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vì Công ty và Công ty con không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

34. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	10.806.070.636	3.275.281.325

35. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty và Công ty con đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
			VND	VND
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ	49.524.294.044	65.174.449.59

THÁP GIANG

THÁP GIANG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	31 tháng 12 năm 2020	
		Phải trả người bán VND	Phải trả khác VND
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	9.911.571.113	2.641.538.125

Các bên có liên quan	Quan hệ	31 tháng 12 năm 2019	
		Phải trả người bán VND	Phải trả khác VND
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	5.007.708.262	2.665.915.112

36. Thù lao của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhận viên chủ chốt như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Lương và các lợi ích khác	2.389.161.849	2.960.941.571

37. Cam kết

Thuế hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty và Công ty con cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang cho phí thuê đất như sau:

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VND	VND	VND	VND
Trong năm tới	4.145.224.535	4.145.224.535		
Từ 2 đến 5 năm	16.580.898.140	16.580.898.140		
Sau 5 năm	94.070.005.535	98.215.230.070		
	114.796.128.210	118.941.352.745		

38. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty và Công ty con chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Công ty và Công ty con đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.23. Các rủi ro chính của Công ty và Công ty con là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các chính sách quản trị rủi ro của Công ty và Công ty con tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo dòng tiền ngắn đến trung hạn của Công ty và Công ty con bằng cách giảm thiểu các tác động từ thị trường tài chính.

Các rủi ro tài chính trọng yếu tác động đến hoạt động của Công ty và Công ty con được mô tả dưới đây.

38.1 Rủi ro thị trường

Công ty và Công ty con chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá do đặc thù hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty và Công ty con.

Biến động tỷ giá hối đoái

Hầu hết các giao dịch của Công ty và Công ty con được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Tác động của rủi ro tiền tệ phát sinh từ hoạt động mua bán với nước ngoài của Công ty và Công ty con, ngoài ra Công ty và Công ty con cũng có các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ chủ yếu bằng Đô la Mỹ ("USD").

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Tương đương VND	USD	Tương đương VND	USD
Tài sản tài chính	663.670.764.847		471.863.978.674	
Nợ tài chính	(565.968.565.867)		(511.592.164.266)	
Ảnh hưởng ngắn hạn	97.702.188.980		(39.728.185.592)	

Tài sản tài chính	-	-
Nợ tài chính	-	(60.848.406.077)
Ảnh hưởng dài hạn	-	(60.848.406.077)

Bảng sau đây biểu thị sự nhạy cảm của kết quả hoạt động thuần trong năm và vốn liên quan đến tài sản và nợ phải trả tài chính dưới sự thay đổi của tỷ giá USD/VND.

Giá sử có một sự thay đổi +/- 0,3% tỷ giá USD/VND cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: +/-0,2%). Cả hai tỷ lệ này được xác định dựa vào sự biến động của thị trường tỷ giá bình quân trong 12 tháng trước đó. Việc phân tích sự nhạy cảm dựa vào các công cụ tài chính phải sinh bằng ngoại tệ mà Công ty và Công ty con nắm giữ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và đánh giá tác động của hợp đồng kỳ hạn và tác động của thay đổi tỷ giá ngoại tệ.

Nếu USD tăng so với VND tương ứng là 0,3% (năm 2019: 0,2%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Kết quả thuần trong năm	234.485.254	(160.922.547)
Vốn chủ sở hữu	234.485.254	(160.922.547)

Nếu USD giảm so với VND tương ứng là 0,3% (năm 2019: 0,2%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020 VND	31 tháng 12 năm 2019 VND
Kết quả thuần trong năm	(234.485.254)	160.922.547
Vốn chủ sở hữu	(234.485.254)	160.922.547

Tác động tỷ giá ngoại tệ biến động giữa các năm phụ thuộc vào lượng giao dịch ngoại tệ. Tuy nhiên, phân tích ở trên được coi là đại diện cho rủi ro ngoại tệ của Công ty và Công ty con.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và Công ty con có các khoản vay lãi suất cố định là 497.137.040.502 VND và không còn các khoản vay với lãi suất điều chỉnh. Ngoài ra, Công ty và Công ty con không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con.

38.2 Rủi ro tín dụng

Công ty và Công ty con đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VND	VND
Các nhóm tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	837.222.907.924	611.244.162.116
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.083.117.843	237.680.135.635
Phải thu thương mại và phải thu khác – Thuần	391.910.101.647	383.838.590.908
	1.365.216.127.414	1.232.762.888.659

Công ty và Công ty con liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Chính sách của Công ty và Công ty con chỉ đúng cho các đối tác đáng tin cậy.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng tốt ngoại trừ các khoản đã được lập dự phòng phải thu khó đòi.

38.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty và Công ty con quản lý nhu cầu thanh khoản bằng cách theo dõi sát sao lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Nhu cầu thanh khoản được theo dõi trong các dải thời gian khác nhau.

Công ty và Công ty con duy trì một mức tiền và chứng khoán có thể bán được để đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Công ty và Công ty con có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn
	Trong vòng 1 năm	1 đến 5 năm	Trên 5 năm
	VND	VND	VND
31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	497.137.040.502	-	-
Phải trả người bán	144.068.664.336	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	514.491.237.144	-	-
	1.155.696.941.982	-	-
31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	431.786.042.345	60.848.406.077	-
Phải trả người bán	168.469.500.240	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	613.328.702.361	-	-
	1.213.584.244.946	60.848.406.077	-

39. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, so với giá trị sổ sách được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.083.117.843	237.680.135.635
Các khoản phải thu – Thuần	391.910.101.647	383.838.590.908
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	837.222.907.924	611.244.162.116
	1.365.216.127.414	1.232.762.888.659

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Nợ tài chính khác		
Phải trả người bán	144.068.664.336	168.469.500.240
Nợ phải trả tài chính khác	514.491.237.144	613.328.702.361
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	497.137.040.502	492.634.448.422
	1.155.696.941.982	1.274.432.651.023

Công ty và Công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

40. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoặc kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nam Định, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2021



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

[Signature]

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Văn Quang
Người lập biểu